

Số: 406/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 13 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 16 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh T.

2. Chị Trương Thị Ái T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 16 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị Ái T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh T vào ngày 02/3/2010. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 16 L, phường A, thành phố H, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, kết hôn đã lâu nhưng không con dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị Ái T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 8 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Trương Thị Ái T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T không có tài sản chung, nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Văn B, chị Trương Thị Ái T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0000104 ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh B, chị T đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- UBND phường A, thành phố H (Anh B, chị T ĐKKH số: 07, quyền số 01/2010, ngày 02/3/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C